

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2012

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN

KHÓA VI - KỲ HỌP THỨ 3

(Từ ngày 04 đến ngày 05 tháng 01 năm 2012)

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002 và các văn bản thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước;

Sau khi xem xét tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 03/01/2012 của UBND huyện Krông Năng về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản và sự nghiệp có tính chất XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách huyện năm 2012; Báo cáo thẩm tra số...04.../BC-BKTXH ngày...04.../01/2012 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách huyện, xã và huy động năm 2012 như sau:

Tổng Kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2012: **40.297 triệu đồng**, Trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh đầu tư tập trung bổ sung cho huyện: 17.409,00 triệu đồng.
- Bao gồm: + Vốn NS tỉnh bổ sung cân đối cho huyện: 12.709,00 triệu đồng
- + Vốn CTMTQG bổ sung có mục tiêu cho huyện: 4.700,00 triệu đồng
- Vốn ngân sách huyện: 10.426,00 triệu đồng
- Bao gồm: - Thanh toán nợ: 406,00 triệu đồng
- Vốn thực hiện các CT chuyển tiếp: 3.098,00 triệu đồng
- Vốn đầu tư cho các công trình mở mới: 6.922,00 triệu đồng
- Vốn NS xã, và huy động: 12.462 triệu đồng
- Bao gồm: - Thanh toán nợ: 11.590 triệu đồng
- Vốn thực hiện các công trình chuyển tiếp: 354,2 triệu đồng
- Vốn đầu tư cho các công trình mở mới: 517,8 triệu đồng

(Chi tiết có biểu mẫu kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao cho UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo tại các kỳ họp HĐND huyện;

Thường trực HĐND huyện, các ban của HĐND huyện và Đại biểu HĐND huyện phối hợp giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định;

Nghị quyết này được HĐND huyện Krông Năng khoá VI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 05 tháng 01 năm 2012.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh, Sở Tư pháp;
- Thường trực Huyện ủy;
- Chủ tịch, PCT HĐND, UBND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện khoá VI;
- Các phòng ban liên quan;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu chánh VP, VT



CHỦ TỊCH

KẾ HOẠCH VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2012

(Kèm theo Nghị Quyết số /2012/NQ-HĐND ngày 5 tháng 01 năm 2012 của HĐND Huyện Krông Năng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số T T	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư			Vốn đã bố t đến hết 201		Vốn còn thiếu		Kế hoạch 2012					Ghi chú
				ĐA hoặc QT đã duyệt												
				T.mức	NS tỉnh	NSH+HĐ	NS tỉnh	NSH+xã	NS tỉnh	NSH, xã,HĐ	Tổng số	NS tỉnh	NSTỉnh bổ sung	NS Huyện	NS xã và HĐ	
	TỔNG CỘNG			237550	147760	84052	49421	35625	87151	53772	45096	4800	17409	10426	12462	
I	THANH TOÁN NỢ			156235	108881	46218	41321	25540	56372	21422	19959	0	7963	406	11590	
1	Trường THPT L.T.Trong (gd2)	Phú Xuân	Ban QLDAXD	8448	6336	2112	4554	1550	1782	562	562		562			NSH BT đủ theo NQ 36
2	Trung tâm GDTX huyện Kr.Năng	TT KNăng	Sở Giáo dục	5659	4527	1132		934		198	0					NS huyện bố trí đủ
3	Hội trường 180 chỗ UBND huyện	TT KNăng	Ban QLDAXD	2761		2761		2646		115	115			115		NS huyện bố trí đủ
4	C/nội, sân, trảo, VS UBND huyện	TT KNăng	Ban QLDAXD	699		699		520		179	170			170		NS huyện bố trí đủ
5	XD mới chợ xã Ea Hồ gồm các HM	Xã Ea Hồ	UB xã Ea Hồ	1503		1503		950		553	353				353	NS huyện bố trí đủ
6	Trường THCS Ea Dá	Xã Ea Dá	Ban QLDAXD	4554	2732,4	1821,6	2732	1050	0	772	728,6		728,6			NSH BT đủ theo NQ 36
7	Trường THCS Trần Phú -Ea Tân	Xã Ea Tân	Ban QLDAXD	4905	2943	1962	1500	1100	1443	862	862		784,8		77,2	NSH BT đủ theo NQ 36
8	Trường THCS Ea Púk	Xã Ea Púk	Ban QLDAXD	4874	2924,4	1949,6	1561	1110	1363,4	840	841		779,60		61,6	NSH BT đủ theo NQ 36
9	Trường Tiểu học Ea Dá	Xã Ea Dá	Ban QLDAXD	5000	3500	1500	1804	1050	1696	450	450		450			NSH BT đủ theo NQ 36
10	Đường GT xã Ea Tam đi Buôn Tráp	Ea Tam	Ban QLDAXD	8923	7138,4	1785	2500		4638	1784,6	1785				1784,6	NS xã và HĐ theo cơ cấu
11	Đập tích nước Tráp KSơ	Xã Ea Hồ	Ban QLDAXD	3836	1300	2536	1300	2500		36	36				36	NS huyện bố trí đủ
12	Trg TH Dlie Ya - Nhà hiệu bộ	Dlie Ya	UBND Dlie Ya	878,2		878,2		614,6		263,6	264				263,55	NS huyện bố trí đủ
	Trường THCS Trần Phú - Nhà đa chức năng	Xã Ea Tân	Trường	1.857		1.857		910		947	947				947	NS huyện bố trí đủ
14	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc - Nhà QTHC	Xã Dliêya	Trường	1.174		1174		822		352	352				352	NS huyện bố trí đủ
15	Trường TH Kim Đồng - Nhà QTHC	Xã Ea Tam	Trường	1.133		1133		793		340	340				340	NS huyện bố trí đủ
	Trường TH Nguyễn Văn Bé - Nhà hiệu bộ	Xã Ea Tân	Trường	1.273		1273		891		382	382				382	NS huyện bố trí đủ
17	Trạm Y tế Xã Ea Hồ	Xã Ea hồ	Ban QLDA	922	800	122,0	800			122,0	120		120			NS huyện bố trí đủ
18	Trạm Y tế Thị trấn Krông Năng	TT.Kr.Năng	Ban QLDA	828,9	600	228,9	600			228,9	200		200			NS huyện bố trí đủ
19	Trạm Y tế Xã Tam Giang	Xã Tgiang	Ban QLDA	911,3	830	81,3	800			81,3	81		81			NS huyện bố trí đủ
20	Trạm Y tế Xã Phú Lộc	Xã P. Lộc	Ban QLDA	1.002	800	202,0	800			202,0	202		202			NS huyện bố trí đủ
	Trường Mẫu giáo Hoa Lan - Cấp nước và Vệ sinh	Xã Ea Tóh	PGD	125,3	100	25,3	100	25,3		25,3	25,25				25,25	NSX&Huy động
22	Trường Mẫu giáo Hoa Huệ - Cấp nước và Vệ sinh	Xã Ea Tân	PGD	125,2	100	25,2	100	25,2		25,2	25,24				25,24	NSX&Huy động
23	Trường TH Kim Đồng-XD mới 4ph, 01 Bếp, 01 VS	Xã Ea Tam	Trường	1.707		1.707		1200		507,3	507				507,3	NS huyện bố trí đủ

Số T T	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư			Vốn đã bố t đến hết 201		Vốn còn thiếu		Kế hoạch 2012					Ghi chú
				T.mức	NS tỉnh	NSH+HĐ	NS tỉnh	NSH+xã	NS tỉnh	NSH, xã,HĐ	Tổng số	NS tỉnh	NS Tỉnh bổ sung	NS Huyện	NS xã và HĐ	
24	XD một số tuyến đường TT thị trấn	TT KNăng	Ban QLDAXD	13870	9709	4161	5738	1700	3971	2461	2461				2461	Nguồn huy động thị trấn
25	Đường GT LX T.Giang - Phú Xuân	3 xã	Ban QLDAXD	10789	8631,2	2158	4200		4431	2158	2158				2158	Nguồn HĐ 3 xã, giao DA ph/bổ
26	Trung tâm dạy nghề huyện Krông Năng	TT KNăng	Ban QLDAXD	10305	8244	2061	4523	700	3721	1361	500		500			Còn 861 tr.đồng chuyển qua 2013
27	Trg THCS H.V Thụ - HM nhà QTHC	Ea Tam	Trg H.V Thụ	1354		1354,5		390,00		964,5	926		400		526	NS huyện đủ, NS xã đủ
28	Trụ sở LV khỏi Dân vận, Mặt trận	TT KNăng	Ban QLDAXD	5549	5549		4900		649		0					Còn 649 triệu đồng chờ quyết toán
29	Nhà QTHC Trg TH N.T.M.Khai	Diê Ya	Tr TH NTMK	841		840,84		588		252,8	253				252,84	NS huyện bố trí đủ
30	Đường vào rừng đặc dụng TrápKSơ	Ea Hồ	Ban QLDAXD	8170	6536	1634	500	700	6036	934,0	934		934			NSH bố trí đủ theo NQ36
31	Trường THPT Tôn Đức Thắng	Xã Tgiang	Ban QLDAXD	19637	15709,6	3927,4	1309	1421	14401	2506,4	1000		1000			Còn 1306 tỷ đồng chuyển qua 201
32	Đường GT từ TT Ea Tam -Tam diên	Ea Tam	Ban QLDAXD	9735	7761,59	836,05			7762	836,1	836				836	NS xã và huy động theo cốp cầu
33	Trường THCS Nguyễn Du-NC, SC 18p	Ea Tóh	Xã Ea Tóh	506		506		300			202				202	NSH đủ, Nguồn xã & huy động
34	Trường TH Minh Hà	Xã Ea Dăh	Trường	270,9		270,9		150		120,9	121			121		NS huyện bố trí đủ
35	Thủy lợi Ea Ding, xã Ea Tân	Ea Tân	Ban QLDAXD	4446	4446			500			500		500			
36	Thủy lợi Buôn Tráp Ea Tam	Ea Tam	Ban QLDAXD	2184	2184			400			0					
37	Các công trình thuộc Chg.trình 159	toàn huyện	Ban QLDAXD	5479	5479	0	1000	0	4479	0	721	0	721	0	0	
a	Môn non:			5479	5479	0	1000	0	4479	0	721	0	721	0	0	
	Trường Mẫu giáo Ea Hồ	Ea Hồ	Ban QLDAXD	2990	2990		500		2490		350		350			
	Trường Mẫu giáo Tam Bình	Cư Klông	Ban QLDAXD	2489	2489		500		1989		371		371			
II CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP				32488	6072	21815	3800	9776	2272	16640	6298,2	0	3246	2698	354,2	
1	Thủy lợi Ea Pir hạ	Xã CKlông	Ban QLDAXD	4500		4500		3186		1314	0					Còn 1.314 triệu đồng chờ QT
2	Đường thuộc TDP 7,8-Nền,Mặt đường, HTTNước	TT KNăng	TT KNăng	6601		2000		2000		4601	858		500	358		NSH còn 3243Triệu đồng
3	Trường MG Hoa Huệ-XDM 3phòng	Xã Ea Tân	Trường	1771		1771		340		1431	1054			700	354	NSH còn 377 Triệu đồng
4	Nhà làm việc ban chỉ huy quan sự Xã Ea Hồ-Nhà Làm Việc	Xã Ea Hồ	Huyện đội	809		809		300		509,0	280			280		NSH còn 229 Tr đồng
5	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự TT Krông Năng-Nhà Làm Việc	TT KNăng	Huyện đội	854		854		300		554	280			280		NSH còn 274 Tr đồng
6	Nhà làm việc ban chỉ huy quan sự Xã Tam Giang-Nhà Làm Việc	Xã Tgiang	Huyện đội	819		819		300		519	280			280		NSH còn 239 Tr đồng
7	Cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Wiao A, thị trấn Krông Năng	TT.Knăng	Phòng dân tộc	999	500	499	500		499	100				100		Còn 399 Trđồng
8	Cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Ur, thị trấn Krông Năng	TT.Knăng	Phòng dân tộc	999	500	499	500		499	100				100		Còn 399 Trđồng
9	Cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Kai, xã Ea Tóh	Xã Ea Tóh	Phòng dân tộc	994	500	494	500		494	100				100		Còn 394 Trđồng
10	Đường ranh giới, phân lô trồng cây, hệ thống thoát nước khu vực Bàu Sen, TT Krông Năng	TT KNăng	TT KNăng	4.858		4.858		1500		3.358	800		500	300		NSH Còn 2158trđồng

KẾ HOẠCH VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2012

(Kèm theo Nghị Quyết số /2012/NQ-HĐND ngày 5 tháng 01 năm 2012 của HĐND Huyện Krông Năng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số T T	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn đã bố t		Vốn còn thiếu		Kế hoạch 2012					Ghi chú	
				ĐA hoặc QT đã duyệt			đến hết 201		NS tỉnh	NSH, xã,HĐ	Tổng số	NS tỉnh	NSTỉnh bổ sung	NS Huyện		NS xã và HĐ
				T.mức	NS tỉnh	NSH+HĐ	NS tỉnh	NSH+xã								
TỔNG CỘNG				237550	147760	84052	49421	35625	87151	53772	45096	4800	17409	10426	12462	
I	THANH TOÁN NỢ			156235	108881	46218	41321	25540	56372	21422	19959	0	7963	406	11590	
1	Trường THPT L.T.Trong (gd2)	Phù Xuân	Ban QLDAXD	8448	6336	2112	4554	1550	1782	562	562		562			NSH BT đủ theo NQ 36
2	Trung tâm GDTX huyện Kr.Năng	TT KNăng	Sở Giáo dục	5659	4527	1132		934		198	0					NS huyện bố trí đủ
3	Hội trường 180 chỗ UBND huyện	TT KNăng	Ban QLDAXD	2761		2761		2646		115	115			115		NS huyện bố trí đủ
4	C/nội, sân, rào, VS UBND huyện	TT KNăng	Ban QLDAXD	699		699		520		179	170			170		NS huyện bố trí đủ
5	XD mới chợ xã Ea Hồ gồm các HM	Xã Ea Hồ	UB xã Ea Hồ	1503		1503		950		553	353				353	NS huyện bố trí đủ
6	Trường THCS Ea Dá	Xã Ea Dá	Ban QLDAXD	4554	2732,4	1821,6	2732	1050	0	772	728,6		728,6			NSH BT đủ theo NQ 36
7	Trường THCS Trần Phú -Ea Tân	Xã Ea Tân	Ban QLDAXD	4905	2943	1962	1500	1100	1443	862	862		784,8		77,2	NSH BT đủ theo NQ 36
8	Trường THCS Ea Pūk	Xã Ea Pūk	Ban QLDAXD	4874	2924,4	1949,6	1561	1110	1363,4	840	841		779,60		61,6	NSH BT đủ theo NQ 36
9	Trường Tiểu học Ea Dá	Xã Ea Dá	Ban QLDAXD	5000	3500	1500	1804	1050	1696	450	450		450			NSH BT đủ theo NQ 36
10	Đường GT xã Ea Tam đi BuônTráp	Ea Tam	Ban QLDAXD	8923	7138,4	1785	2500		4638	1784,6	1785				1784,6	NS xã và HĐ theo cơ cấu
11	Đập tích nước Tráp KSơ	Xã Ea Hồ	Ban QLDAXD	3836	1300	2536	1300	2500		36	36				36	NS huyện bố trí đủ
12	Trg TH Dlie Ya - Nhà hiệu bộ	Dlie Ya	UBND DlieYa	878,2		878,2		614,6		263,6	264				263,55	NS huyện bố trí đủ
	Trường THCS Trần Phú - Nhà đa chức năng	Xã Ea Tân	Trường	1.857		1.857		910		947	947				947	NS huyện bố trí đủ
14	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc - Nhà QTHC	Xã Đliêya	Trường	1.174		1174		822		352	352				352	NS huyện bố trí đủ
15	Trường TH Kim Đồng - Nhà QTHC	Xã Ea Tam	Trường	1.133		1133		793		340	340				340	NS huyện bố trí đủ
	Trường TH Nguyễn Văn Bé - Nhà hiệu bộ	Xã Ea Tân	Trường	1.273		1273		891		382	382				382	NS huyện bố trí đủ
17	Trạm Y tế Xã Ea Hồ	Xã Ea hồ	Ban QLDA	922	800	122,0	800			122,0	120		120			NS huyện bố trí đủ
18	Trạm Y tế Thị trấn Krông Năng	TT.Kr.Năng	Ban QLDA	828,9	600	228,9	600			228,9	200		200			NS huyện bố trí đủ
19	Trạm Y tế Xã Tam Giang	Xã Tgiang	Ban QLDA	911,3	830	81,3	800			81,3	81		81			NS huyện bố trí đủ
20	Trạm Y tế Xã Phú Lộc	Xã P. Lộc	Ban QLDA	1.002	800	202,0	800			202,0	202		202			NS huyện bố trí đủ
21	Trường Mẫu giáo Hoa Lan - Cấp nước và Vệ sinh	Xã Ea Tóh	PGD	125,3	100	25,3	100	25,3		25,3	25,25				25,25	NSX&Huy động
22	Trường Mẫu giáo Hoa Huệ - Cấp nước và Vệ sinh	Xã Ea Tân	PGD	125,2	100	25,2	100	25,2		25,2	25,24				25,24	NSX&Huy động
23	01 Bép, 01 VS	Xã Ea Tam	Trường	1.707		1.707		1200		507,3	507				507,3	NS huyện bố trí đủ

Số T T	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư			Vốn đã bố t		Vốn còn thiếu		Kế hoạch 2012					Ghi chú
				DA hoặc QT đã duyệt			đến hết 201		NS tỉnh	NSH, xã,HĐ	Tổng số	NS tỉnh	NSTỉnh bổ sung	NS Huyện	NS xã và HĐ	
				T.mức	NS tỉnh	NSH+HĐ	NS tỉnh	NSH+xã								
24	XD một số tuyến đường TT thị trấn	TT KNăng	Ban QLDAXD	13870	9709	4161	5738	1700	3971	2461	2461				2461	Nguồn huy động thị trấn
25	Đường GT LX T.Giang - Phú Xuân	3 xã	Ban QLDAXD	10789	8631,2	2158	4200		4431	2158	2158				2158	Nguồn HĐ 3 xã, giao DA ph/bổ
26	Trung tâm dạy nghề huyện Krông Năng	TT KNăng	Ban QLDAXD	10305	8244	2061	4523	700	3721	1361	500		500			Còn 861 tr.đồng chuyển qua 2013
27	Trg THCS H.V Thu - HM nhà QTHC	Ea Tam	Trg H.V Thu	1354		1354,5		390,00		964,5	926		400		526	NS huyện đủ, NS xã đủ
28	Trụ sở LV khối Dân vận, Mặt trận	TT KNăng	Ban QLDAXD	5549	5549		4900		649		0					Còn 649 triệu đồng chờ quyết toán
29	Nhà QTHC Trg TH N.T.M.Khai	Diê Ya	Tr TH NTMK	841		840,84		588		252,8	253				252,84	NS huyện bố trí đủ
30	Đường vào rừng đặc dụng TrápKSơ	Ea Hồ	Ban QLDAXD	8170	6536	1634	500	700	6036	934,0	934		934			NSH bố trí đủ theo NQ36
31	Trường THPT Tôn Đức Thắng	Xã Tgiang	Ban QLDAXD	19637	15709,6	3927,4	1309	1421	14401	2506,4	1000		1000			Còn 1306 tỷ đồng chuyển qua 201
32	Đường GT từ TT Ea Tam -Tam diên	Ea Tam	Ban QLDAXD	9735	7761,59	836,05			7762	836,1	836				836	NS xã và huy động theo cốp cầu
33	Trường THCS Nguyễn Du-NC, SC 18p	Ea Tóh	Xã Ea Tóh	506		506		300			202				202	NSH đủ, Nguồn xã &huy động
34	Trường TH Minh Hà	Xã Ea Dăh	Trường	270,9		270,9		150		120,9	121			121		NS huyện bố trí đủ
35	Thủy lợi Ea Dìng, xã Ea Tân	Ea Tân	Ban QLDAXD	4446	4446			500			500		500			
36	Thủy lợi Buôn Tráp Ea Tam	Ea Tam	Ban QLDAXD	2184	2184			400			0					
37	Các công trình thuộc Chg.trình 159	toàn huyện	Ban QLDAXD	5479	5479	0	1000	0	4479	0	721	0	721	0	0	
a	Mẫu non:			5479	5479	0	1000	0	4479	0	721	0	721	0	0	
	Trường Mẫu giáo Ea Hồ	Ea Hồ	Ban QLDAXD	2990	2990		500		2490		350		350			
	Trường Mẫu giáo Tam Bình	Cư Klông	Ban QLDAXD	2489	2489		500		1989		371		371			
II	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP			32488	6072	21815	3800	9776	2272	16640	6298,2	0	3246	2698	354,2	
1	Thủy lợi Ea Pir hạ	Xã CKlông	Ban QLDAXD	4500		4500		3186		1314	0					Còn 1.314 triệu đồng chờ QT
	Đường thuộc TDP 7,8-Nền,Mặt															
2	đường, HTTNước	TT KNăng	TT KNăng	6601		2000		2000		4601	858		500	358		NSH còn 3243Triệu đồng
3	Trường MG Hoa Huệ-XDM 3phòng	Xã Ea Tân	Trường	1771		1771		340		1431	1054			700	354	NSH còn 377 Triệu đồng
	Nhà làm việc ban chỉ huy quan sự Xã															
4	Ea Hồ-Nhà Làm Việc	Xã Ea Hồ	Huyện đội	809		809		300		509,0	280			280		NSH còn 229 Tr đồng
	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự TT															
5	Krông Năng-Nhà Làm Việc	TT KNăng	Huyện đội	854		854		300		554	280			280		NSH còn 274 Tr đồng
	Nhà làm việc ban chỉ huy quan sự Xã															
6	Tam Giang-Nhà Làm Việc	Xã TGiang	Huyện đội	819		819		300		519	280			280		NSH còn 239 Tr đồng
	Cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn															
7	Wiao A, thị trấn Krông Năng	TT.Krăng	Phòng dân tộc	999	500	499	500			499	100			100		Còn 399 Trđồng
	Cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Ur,															
8	thị trấn Krông Năng	TT.Krăng	Phòng dân tộc	999	500	499	500			499	100			100		Còn 399 Trđồng
	Cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn															
9	Kai, xã Ea Tóh	Xã Ea Tóh	Phòng dân tộc	994	500	494	500			494	100			100		Còn 394 Trđồng
	Đường ranh giới, phân lô trồng cây, hệ															
	thống thoát nước khu vực Bàu Sen, TT															
10	Krông Năng	TT KNăng	TT KNăng	4.858		4.858		1500		3.358	800		500	300		NSH Còn 2158trđồng

KẾ HOẠCH VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2012

(Kèm theo Nghị Quyết số /2012/NQ-HĐND ngày 5 tháng 01 năm 2012 của HĐND Huyện Krông Năng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số T T	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư			Vốn đã bố tr		Vốn còn thiếu		Kế hoạch 2012					Ghi chú
				ĐA hoặc QT đã duyệt			đến hết 201		NS tỉnh	NSH, xã,HĐ	Tổng số	NS tỉnh	NSTinh bổ sung	NS Huyện	NS xã và HĐ	
				T.mức	NS tỉnh	NSH+HĐ	NS tỉnh	NSH+xã								
TỔNG CỘNG				237550	147760	84052	49421	35625	87151	53772	45096	4800	17409	10426	12462	
I	THANH TOÁN NỢ			156235	108881	46218	41321	25540	56372	21422	19959	0	7963	406	11590	
1	Trường THPT L.T.Trong (gd2)	Phú Xuân	Ban QLDAXD	8448	6336	2112	4554	1550	1782	562	562		562			NSH BT đủ theo NQ 36
2	Trung tâm GDTX huyện Kr.Năng	TT KNăng	Sở Giáo dục	5659	4527	1132		934		198	0					NS huyện bố trí đủ
3	Hội trường 180 chỗ UBND huyện	TT KNăng	Ban QLDAXD	2761		2761		2646		115	115			115		NS huyện bố trí đủ
4	C/nối, sân, trảo, VS UBND huyện	TT KNăng	Ban QLDAXD	699		699		520		179	170			170		NS huyện bố trí đủ
5	XD mới chợ xã Ea Hồ gồm các HM	Xã Ea Hồ	UB xã Ea Hồ	1503		1503		950		553	353				353	NS huyện bố trí đủ
6	Trường THCS Ea Dáh	Xã Ea Dáh	Ban QLDAXD	4554	2732,4	1821,6	2732	1050	0	772	728,6		728,6			NSH BT đủ theo NQ 36
7	Trường THCS Trần Phú -Ea Tân	Xã Ea Tân	Ban QLDAXD	4905	2943	1962	1500	1100	1443	862	862		784,8		77,2	NSH BT đủ theo NQ 36
8	Trường THCS Ea Pūk	Xã Ea Pūk	Ban QLDAXD	4874	2924,4	1949,6	1561	1110	1363,4	840	841		779,60		61,6	NSH BT đủ theo NQ 36
9	Trường Tiểu học Ea Dáh	Xã Ea Dáh	Ban QLDAXD	5000	3500	1500	1804	1050	1696	450	450		450			NSH BT đủ theo NQ 36
10	Đường GT xã Ea Tam đi Buôn Trấp	Ea Tam	Ban QLDAXD	8923	7138,4	1785	2500		4638	1784,6	1785				1784,6	NS xã và HĐ theo cơ cấu
11	Đập tích nước Trấp KSơ	Xã Ea Hồ	Ban QLDAXD	3836	1300	2536	1300	2500		36	36				36	NS huyện bố trí đủ
12	Trg TH Dlie Ya - Nhà hiệu bộ	Dlie Ya	UBND Dlie Ya	878,2		878,2		614,6		263,6	264				263,55	NS huyện bố trí đủ
	Trường THCS Trần Phú - Nhà đa chức năng	Xã Ea Tân	Trường	1.857		1.857		910		947	947				947	NS huyện bố trí đủ
14	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc - Nhà QTHC	Xã Đliêya	Trường	1.174		1174		822		352	352				352	NS huyện bố trí đủ
15	Trường TH Kim Đồng - Nhà QTHC	Xã Ea Tam	Trường	1.133		1133		793		340	340				340	NS huyện bố trí đủ
	Trường TH Nguyễn Văn Bé - Nhà hiệu bộ	Xã Ea Tân	Trường	1.273		1273		891		382	382				382	NS huyện bố trí đủ
17	Trạm Y tế Xã Ea Hồ	Xã Ea hồ	Ban QLDA	922	800	122,0	800			122,0	120		120			NS huyện bố trí đủ
18	Trạm Y tế Thị trấn Krông Năng	TT.Kr.Năng	Ban QLDA	828,9	600	228,9	600			228,9	200		200			NS huyện bố trí đủ
19	Trạm Y tế Xã Tam Giang	Xã Tgiang	Ban QLDA	911,3	830	81,3	800			81,3	81		81			NS huyện bố trí đủ
20	Trạm Y tế Xã Phú Lộc	Xã P. Lộc	Ban QLDA	1.002	800	202,0	800			202,0	202		202			NS huyện bố trí đủ
	Trường Mẫu giáo Hoa Lan - Cấp nước và Vệ sinh	Xã Ea Tóh	PGD	125,3	100	25,3	100	25,3		25,3	25,25				25,25	NSX&Huy động
	Trường Mẫu giáo Hoa Huệ - Cấp nước và Vệ sinh	Xã Ea Tân	PGD	125,2	100	25,2	100	25,2		25,2	25,24				25,24	NSX&Huy động
22	Trường TH Kim Đồng-XD mới 4ph,	Xã Ea Tam	Trường	1.707		1.707		1200		507,3	507				507,3	NS huyện bố trí đủ
23	01 Bếp, 01 VS	Xã Ea Tam	Trường	1.707		1.707		1200		507,3	507				507,3	NS huyện bố trí đủ

Số T T	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư			Vốn đã bố t đến hết 201		Vốn còn thiếu		Kế hoạch 2012					Ghi chú
				DA hoặc QT đã duyệt	NS tỉnh	NSH+HĐ	NS tỉnh	NSH+xã	NS tỉnh	NSH, xã,HĐ	Tổng số	NS tỉnh	NS Tỉnh bổ sung	NS Huyện	NS xã và HĐ	
24	XD một số tuyến đường TT thị trấn	TT KNăng	Ban QLDAXD	13870	9709	4161	5738	1700	3971	2461	2461				2461	Nguồn huy động thị trấn
25	Đường GT LX T.Giang - Phú Xuân	3 xã	Ban QLDAXD	10789	8631,2	2158	4200		4431	2158	2158				2158	Nguồn HĐ 3 xã, giao DA ph/bổ
26	Trung tâm dạy nghề huyện Krông Năng	TT KNăng	Ban QLDAXD	10305	8244	2061	4523	700	3721	1361	500		500			Còn 861 tr, đồng chuyển qua 2013
27	Trg THCS H.V Thu - HM nhà QTHC	Ea Tam	Trg H.V Thu	1354		1354,5		390,00		964,5	926		400		526	NS huyện đủ, NS xã đủ
28	Trụ sở LV khối Dân vận, Mặt trận	TT KNăng	Ban QLDAXD	5549	5549		4900		649		0					Còn 649 triệu đồng chờ quyết toán
29	Nhà QTHC Trg TH N.T.M.Khai	Diê Ya	Tr TH NTMK	841		840,84		588		252,8	253				252,84	NS huyện bố trí đủ
30	Đường vào rừng đặc dụng TrápK Sơ	Ea Hồ	Ban QLDAXD	8170	6536	1634	500	700	6036	934,0	934		934			NSH bố trí đủ theo NQ36
31	Trường THPT Tôn Đức Thắng	Xã Tgiang	Ban QLDAXD	19637	15709,6	3927,4	1309	1421	14401	2506,4	1000		1000			Còn 1306 tỷ đồng chuyển qua 201
32	Đường GT từ TT Ea Tam -Tam diên	Ea Tam	Ban QLDAXD	9735	7761,59	836,05			7762	836,1	836				836	NS xã và huy động theo cốp cầu
33	Trường THCS Nguyễn Du-NC, SC 18p	Ea Tóh	Xã Ea Tóh	506		506		300			202				202	NSH đủ, Nguồn xã & huy động
34	Trường TH Minh Hà	Xã Ea Dăh	Trường	270,9		270,9		150		120,9	121			121		NS huyện bố trí đủ
35	Thủy lợi Ea Ding, xã Ea Tân	Ea Tan	Ban QLDAXD	4446	4446			500			500		500			
36	Thủy lợi Buôn Tráp Ea Tam	Ea Tam	Ban QLDAXD	2184	2184			400			0					
37	Các công trình thuộc Chg. trình 159	toàn huyện	Ban QLDAXD	5479	5479	0	1000	0	4479	0	721	0	721	0	0	
a	Mẫu non:			5479	5479	0	1000	0	4479	0	721	0	721	0	0	
	Trường Mẫu giáo Ea Hồ	Ea Hồ	Ban QLDAXD	2990	2990		500		2490		350		350			
	Trường Mẫu giáo Tam Bình	Cư Klông	Ban QLDAXD	2489	2489		500		1989		371		371			
II CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP				32488	6072	21815	3800	9776	2272	16640	6298,2	0	3246	2698	354,2	
1	Thủy lợi Ea Pir hạ	Xã CKlông	Ban QLDAXD	4500		4500		3186		1314	0					Còn 1.314 triệu đồng chờ QT
2	Đường thuộc TDP 7,8-Nền, Mặt đường, HTT Nước	TT KNăng	TT KNăng	6601		2000		2000		4601	858		500	358		NSH còn 3243 Triệu đồng
3	Trường MG Hoa Huệ-XDM 3 phòng	Xã Ea Tân	Trường	1771		1771		340		1431	1054			700	354	NSH còn 377 Triệu đồng
4	Nhà làm việc ban chỉ huy quan sự Xã Ea Hồ-Nhà Làm Việc	Xã Ea Hồ	Huyện đội	809		809		300		509,0	280			280		NSH còn 229 Tr đồng
5	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự TT Krông Năng-Nhà Làm Việc	TT KNăng	Huyện đội	854		854		300		554	280			280		NSH còn 274 Tr đồng
6	Nhà làm việc ban chỉ huy quan sự Xã Tam Giang-Nhà Làm Việc	Xã TGiăng	Huyện đội	819		819		300		519	280			280		NSH còn 239 Tr đồng
7	Cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Wiao A, thị trấn Krông Năng	TT.Krông	Phòng dân tộc	999	500	499	500			499	100			100		Còn 399 Tr đồng
8	Cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Ur, thị trấn Krông Năng	TT.Krông	Phòng dân tộc	999	500	499	500			499	100			100		Còn 399 Tr đồng
9	Cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Kai, xã Ea Tóh	Xã Ea Tóh	Phòng dân tộc	994	500	494	500			494	100			100		Còn 394 Tr đồng
10	Đường ranh giới, phân lô trồng cây, hệ thống thoát nước khu vực Bàu Sen, TT Krông Năng	TT KNăng	TT KNăng	4.858		4.858		1500		3.358	800		500	300		NSH Còn 2158 tr đồng

Số T T	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư			Vốn đã bỏ t đến hết 201		Vốn còn thiếu		Kế hoạch 2012					Ghi chú
				DA hoặc QT đã duyệt	NS tỉnh	NSH+HĐ	NS tỉnh	NSH+xã	NS tỉnh	NSH, xã,HĐ	Tổng số	NS tỉnh	NS Tỉnh bổ sung	NS Huyện	NS xã và HĐ	
24	XD một số tuyến đường TT thị trấn	TT KNăng	Ban QLDAXD	13870	9709	4161	5738	1700	3971	2461	2461				2461	Nguồn huy động thị trấn
25	Đường GT LX T.Giang - Phú Xuân	3 xã	Ban QLDAXD	10789	8631,2	2158	4200		4431	2158	2158				2158	Nguồn HĐ 3 xã, giao DA ph/bổ
26	Trung tâm dạy nghề huyện Krông Năng	TT KNăng	Ban QLDAXD	10305	8244	2061	4523	700	3721	1361	500		500			Còn 861 tr.đồng chuyển qua 2013
27	Trg THCS H.V Thu - HM nhà QTHC	Ea Tam	Trg H.V Thu	1354		1354,5		390,00		964,5	926		400		526	NS huyện đủ, NS xã đủ
28	Trụ sở LV khỏi Dân vận, Mặt trận	TT KNăng	Ban QLDAXD	5549	5549		4900		649		0					Còn 649 triệu đồng chờ quyết toán
29	Nhà QTHC Trg TH N.T.M.Khai	Diê Ya	Tr TH NTMK	841		840,84		588		252,8	253				252,84	NS huyện bổ trí đủ
30	Đường vào rừng đặc dụng TrápKsor	Ea Hồ	Ban QLDAXD	8170	6536	1634	500	700	6036	934,0	934		934			NSH bổ trí đủ theo NQ36
31	Trường THPT Tôn Đức Thắng	Xã Tgiang	Ban QLDAXD	19637	15709,6	3927,4	1309	1421	14401	2506,4	1000		1000			Còn 1306 tỷ đồng chuyển qua 201
32	Đường GT từ TT Ea Tam -Tam diên	Ea Tam	Ban QLDAXD	9735	7761,59	836,05			7762	836,1	836				836	NS xã và huy động theo cốp cầu
33	Trường THCS Nguyễn Du-NC, SC 18p	Ea Tóh	Xã Ea Tóh	506		506		300			202				202	NSH đủ, Nguồn xã & huy động
34	Trường TH Minh Hà	Xã Ea Dăh	Trường	270,9		270,9		150		120,9	121			121		NS huyện bổ trí đủ
35	Thủy lợi Ea Ding, xã Ea Tân	Ea Tan	Ban QLDAXD	4446	4446			500			500		500			
36	Thủy lợi Buôn Tráp Ea Tam	Ea Tam	Ban QLDAXD	2184	2184			400			0					
37	Các công trình thuộc Chg.trình 159	toàn huyện	Ban QLDAXD	5479	5479	0	1000	0	4479	0	721	0	721	0	0	
a	Mãn non:			5479	5479	0	1000	0	4479	0	721	0	721	0	0	
	Trường Mẫu giáo Ea Hồ	Ea Hồ	Ban QLDAXD	2990	2990		500		2490		350		350			
	Trường Mẫu giáo Tam Bình	Cư Klông	Ban QLDAXD	2489	2489		500		1989		371		371			
II CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP				32488	6072	21815	3800	9776	2272	16640	6298,2	0	3246	2698	354,2	
1	Thủy lợi Ea Pir hạ	Xã CKlông	Ban QLDAXD	4500		4500		3186		1314	0					Còn 1.314 triệu đồng chờ QT
2	Đường thuộc TDP 7,8-Nền,Mặt đường, HTTNước	TT KNăng	TT KNăng	6601		2000		2000		4601	858		500	358		NSH còn 3243Triệu đồng
3	Trường MG Hoa Huệ-XDM 3phòng	Xã Ea Tân	Trường	1771		1771		340		1431	1054			700	354	NSH còn 377 Triệu đồng
4	Nhà làm việc ban chỉ huy quan sự Xã Ea Hồ-Nhà Làm Việc	Xã Ea Hồ	Huyện đội	809		809		300		509,0	280			280		NSH còn 229 Tr đồng
5	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự TT Krông Năng-Nhà Làm Việc	TT KNăng	Huyện đội	854		854		300		554	280			280		NSH còn 274 Tr đồng
6	Nhà làm việc ban chỉ huy quan sự Xã Tam Giang-Nhà Làm Việc	Xã TGiăng	Huyện đội	819		819		300		519	280			280		NSH còn 239 Tr đồng
7	Cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Wiao A, thị trấn Krông Năng	TT.Krông	Phòng dân tộc	999	500	499	500			499	100			100		Còn 399 Trđồng
8	Cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Ur, thị trấn Krông Năng	TT.Krông	Phòng dân tộc	999	500	499	500			499	100			100		Còn 399 Trđồng
9	Cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Kai, xã Ea Tóh	Xã Ea Tóh	Phòng dân tộc	994	500	494	500			494	100			100		Còn 394 Trđồng
10	Đường ranh giới, phân lô trồng cây, hệ thống thoát nước khu vực Bàu Sen, TT Krông Năng	TT KNăng	TT KNăng	4.858		4.858		1500		3.358	800		500	300		NSH Còn 2158trđồng

KẾ HOẠCH VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2012

(Kèm theo Nghị Quyết số /2012/NQ-HĐND ngày 5 tháng 01 năm 2012 của HĐND Huyện Krông Năng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số T T	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư			Vốn đã bỏ t đến hết 201		Vốn còn thiếu		Kế hoạch 2012					Ghi chú
				ĐA hoặc QT đã duyệt			NS tỉnh	NSH+xã	NS tỉnh	NSH, xã,HĐ	Tổng số	NS tỉnh	NSTỉnh bổ sung	NS Huyện	NS xã và HĐ	
				T.mức	NS tỉnh	NSH+HĐ										
	TỔNG CỘNG			237550	147760	84052	49421	35625	87151	53772	45096	4800	17409	10426	12462	
I	THANH TOÁN NỢ			156235	108881	46218	41321	25540	56372	21422	19959	0	7963	406	11590	
1	Trường THPT L.T.Trong (gd2)	Phù Xuân	Ban QLDAXD	8448	6336	2112	4554	1550	1782	562	562		562			NSH BT đủ theo NQ 36
2	Trung tâm GDTX huyện Kr.Năng	TT KNăng	Sở Giáo dục	5659	4527	1132		934		198	0					NS huyện bổ tri đủ
3	Hội trường 180 chỗ UBND huyện	TT KNăng	Ban QLDAXD	2761		2761		2646		115	115			115		NS huyện bổ tri đủ
4	C/nối, sân, rào, VS UBND huyện	TT KNăng	Ban QLDAXD	699		699		520		179	170			170		NS huyện bổ tri đủ
5	XD mới chợ xã Ea Hồ gồm các HM	Xã Ea Hồ	UB xã Ea Hồ	1503		1503		950		553	353				353	NS huyện bổ tri đủ
6	Trường THCS Ea Dáh	Xã Ea Dáh	Ban QLDAXD	4554	2732,4	1821,6	2732	1050	0	772	728,6		728,6			NSH BT đủ theo NQ 36
7	Trường THCS Trần Phú -Ea Tân	Xã Ea Tân	Ban QLDAXD	4905	2943	1962	1500	1100	1443	862	862		784,8		77,2	NSH BT đủ theo NQ 36
8	Trường THCS Ea Pūk	Xã Ea Pūk	Ban QLDAXD	4874	2924,4	1949,6	1561	1110	1363,4	840	841		779,60		61,6	NSH BT đủ theo NQ 36
9	Trường Tiểu học Ea Dáh	Xã Ea Dáh	Ban QLDAXD	5000	3500	1500	1804	1050	1696	450	450		450			NSH BT đủ theo NQ 36
10	Đường GT xã Ea Tam đi Buôn Tráp	Ea Tam	Ban QLDAXD	8923	7138,4	1785	2500		4638	1784,6	1785				1784,6	NS xã và HĐ theo cơ cấu
11	Đập tích nước Tráp KSơ	Xã Ea Hồ	Ban QLDAXD	3836	1300	2536	1300	2500		36	36				36	NS huyện bổ tri đủ
12	Trg TH Dlie Ya - Nhà hiệu bộ	Dlie Ya	UBND DlieYa	878,2		878,2		614,6		263,6	264				263,55	NS huyện bổ tri đủ
	Trường THCS Trần Phú - Nhà đa chức năng	Xã Ea Tân	Trường	1.857		1.857		910		947	947				947	NS huyện bổ tri đủ
14	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc - Nhà QTHC	Xã Dlieya	Trường	1.174		1174		822		352	352				352	NS huyện bổ tri đủ
15	Trường TH Kim Đồng - Nhà QTHC	Xã Ea Tam	Trường	1.133		1133		793		340	340				340	NS huyện bổ tri đủ
	Trường TH Nguyễn Văn Bé - Nhà hiệu bộ	Xã Ea Tân	Trường	1.273		1273		891		382	382				382	NS huyện bổ tri đủ
17	Trạm Y tế Xã Ea Hồ	Xã Ea hồ	Ban QLDA	922	800	122,0	800			122,0	120		120			NS huyện bổ tri đủ
18	Trạm Y tế Thị trấn Krông Năng	TT.Kr.Năng	Ban QLDA	828,9	600	228,9	600			228,9	200		200			NS huyện bổ tri đủ
19	Trạm Y tế Xã Tam Giang	Xã Tgiang	Ban QLDA	911,3	830	81,3	800			81,3	81		81			NS huyện bổ tri đủ
20	Trạm Y tế Xã Phú Lộc	Xã P. Lộc	Ban QLDA	1.002	800	202,0	800			202,0	202		202			NS huyện bổ tri đủ
21	Trường Mẫu giáo Hoa Lan - Cấp nước và Vệ sinh	Xã Ea Tóh	PGD	125,3	100	25,3	100	25,3		25,3	25,25				25,25	NSX&Huy động
22	Trường Mẫu giáo Hoa Huệ - Cấp nước và Vệ sinh	Xã Ea Tân	PGD	125,2	100	25,2	100	25,2		25,2	25,24				25,24	NSX&Huy động
23	Trường TH Kim Đồng-XD mới 4ph, 01 Bếp, 01 VS	Xã Ea Tam	Trường	1.707		1.707		1200		507,3	507				507,3	NS huyện bổ tri đủ